ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

1. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Tên trường: **Đại học Kinh tế Nghệ An**

Ký hiệu: **CEA**

Địa chỉ: Số 51, Đường Lý Tự Trọng, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0388 692 096

Email: tuyensinh.nace@gmail.com

Website: dhktna.edu.vn

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An được thành lập theo quyết định số 205/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An. Trường là cơ sở giáo dục Đại học công lập, trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An; chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện tại đào tạo 07 ngành bậc Đại học, 07 ngành bậc Cao đẳng, 10 ngành Trung cấp chủ yếu là các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Nông, Lâm nghiệp và Quản lý tài nguyên, môi trường. Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Kinh tế, Nông – Lâm nghiệp.

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	**Quy mô hiện tại**			
	ĐH		**CĐSP**	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học viên cao học, số SV đại học, cao đẳng)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH, CĐ)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I				
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III	1,323ĐH, 230CĐ			
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V	311ĐH, 100CĐ	34ĐH		
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII				
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ)				

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2015, 2016 Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đăng ký thực hiện tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng theo 2 phương thức:

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (*các cụm thi do các trường ĐH chủ trì*) của 03 môn thi thuộc khối xét tuyển của Trường.

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập THPT được ghi trong học bạ của 03 môn học thuộc khối xét tuyển của Trường.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyết	Năm tuyển sinh -3			Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Nhóm ngành I - Ngành 1 Tổ hợp 1: Tổ hợp 2: Tổ hợp 3: - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4									
Nhóm ngành II									
Nhóm ngành III									
Ngành Kế toán Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	400	342	13,0 13,0 13,0 14,0	800	569	15,0	800	345	15,0
Ngành Kinh tế Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	50	38	13,0 13,0 13,0 14,0	100	61	15,0	200	16	15,0
Ngành Quản trị Kinh doanh Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	0	0	13,0 13,0 13,0 14,0	100	74	15,0	200	114	15,0
Nhóm ngành IV									
Nhóm ngành V									

Ngành Quản lý đất đai Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	50	22	13,0 13,0 13,0 14,0	100	28	15,0	100	6	15,0
Ngành Thú y Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	100	55	13,0 13,0 13,0 14,0	100	98	15,0	150	121	15,0
Ngành Lâm nghiệp Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	50	0	13,0 13,0 13,0 14,0	50	0	15,0	100	0	15,0
Ngành Khoa học cây trồng Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa Tổ hợp 2: Toán, Lý, Anh Tổ hợp 3: Toán, Văn, Anh Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Sinh	50	0	13,0 13,0 13,0 14,0	50	0	15,0	100	0	15,0
Nhóm ngành VI									
Nhóm ngành VII									
GV các môn chung									
Tổng	**700**	**457**	**X**	**1,300**	**830**	**X**	**1,650**	**602**	**X**

2. **Các thông tin của năm tuyển sinh**

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Tất cả các thí sinh đã tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2017 (tại cụm thi đại học và cụm thi địa phương).

- Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2016 trở về trước (không giới hạn tuổi).

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trên cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đăng ký thực hiện tuyển sinh trình độ đại học theo 2 phương thức:

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (các cụm thi do các trường ĐH chủ trì) của 03 môn thi thuộc khối xét tuyển của Trường.

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập THPT được ghi trong học bạ của 03 môn học thuộc khối xét tuyển của Trường.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Ngành học	Mã Ngành	Tổng chỉ tiêu	XT Học bạ	XT kq thi THPTQG
Các ngành đào tạo đại học:			70%	30%
Quản trị kinh doanh	52340101	200	140	60
Kế toán	52340301	800	560	240
Kinh tế	52310101	100	70	30
Quản lý đất đai	52850103	40	28	12
Khoa học cây trồng	52620110	30	21	9
Lâm nghiệp	52620201	30	21	9
Thú y	52640101	200	140	60

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

2.5.1. Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông

Tiêu chí xét tuyển:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông.

- Thí sinh có tổng điểm 3 môn thuộc khối xét tuyển ghi trong học bạ THPT lớp 12 đạt từ 18,0 điểm trở lên (cho Đại học) đủ điều kiện xét tuyển.

- Hạnh kiểm lớp 12 đạt loại Khá trở lên

2.5.2. Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (các cụm thi do các trường ĐH chủ trì) của 03 môn thi thuộc khối xét tuyển của Trường

Tiêu chí xét tuyển:

Việc xét tuyển dựa vào các tiêu chí sau:

- Thí sinh thi Kỳ thi THPT quốc gia do các trường đại học chủ trì đã đủ điều kiện tốt nghiệp.

- Kết quả thi của tổ hợp các môn thi trong kỳ thi THPT quốc gia từ mức điểm tối thiểu do trường lựa chọn trên cơ sở các tiêu chí đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT ứng với từng bậc đại học.

- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Thí sinh nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được xác định, kết quả thi của thí sinh và chính sách ưu tiên, Trường xét điểm trúng tuyển theo từng ngành đào tạo của trường.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Tên trường: **Đại học kinh tế Nghệ An**

Ký hiệu: **CEA**

Ngành học	Mã Ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
Các ngành đào tạo đại học:		
Quản trị kinh doanh	52340101	- Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, Tiếng Anh - Toán, Văn, Tiếng Anh - Toán, Hóa, Sinh
Kế toán	52340301	
Kinh tế	52310101	
Quản lý đất đai	52850103	
Khoa học cây trồng	52620110	
Lâm nghiệp	52620201	
Thú y	52640101	

Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển: 0 điểm

Tiêu chí phụ dùng để xét tuyển: Trong trường hợp có nhiều thí sinh trúng tuyển hơn chỉ tiêu hiện có của ngành học nhà trường sử dụng hai tiêu chí phụ để xét tuyển như sau:

- Tiêu chí phụ thứ nhất: Xét tuyển các thí sinh trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên điểm môn Toán từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu. Trong trường hợp số thí sinh lựa chọn trúng tuyển theo tiêu chí này vượt quá chỉ tiêu nhà trường xét tuyển theo tiêu chí phụ thứ 2.

- Tiêu chí phụ thứ hai: Xét tuyển các thí sinh trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên điểm môn Tiếng Anh từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo...

2.7.1. Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông

a. Thời gian:

- Thời gian: Từ 20/3/2017 đến 31/12/2017, chia thành nhiều đợt xét tuyển. Thời gian xét tuyển lần 1 từ ngày 01/05/2017 đến 10/05/2017.

- Đối với thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp THPT sẽ nộp bổ sung Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (phô tô công chứng) trước ngày 01/8/2017.

b. Hình thức nhận ĐKXT

- Nộp hồ sơ xét tuyển theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp trực tiếp tại Ban tuyển sinh – Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Số 51, Đường Lý Tự Trọng, Phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An. Điện thoại: (038) 8892096

c. Điều kiện xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- Điểm môn: Là điểm tổng kết môn học đó ở lớp 12

- Điểm ưu tiên: Theo quy định trong quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hiện hành

- Thí sinh có tổng điểm 3 môn thuộc khối xét tuyển đạt từ 18,0 điểm trở lên (cho Đại học) đủ điều kiện xét tuyển.

- Nguyên tắc xét tuyển: Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của các ngành.

7.2. Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (các cụm thi do các trường ĐH chủ trì) của 03 môn thi thuộc khối xét tuyển của Trường.

a. Thời gian và hình thức nhận xét tuyển: Theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT quốc gia tại các cụm thi do các trường đại học chủ trì có kết quả thi của các môn thi trong tổ hợp các môn thi đạt ngưỡng tối thiểu do Bộ GDĐT công bố.

- Điểm trúng tuyển không nhân hệ số.

- Chỉ xét tuyển những thí sinh nộp đăng ký xét tuyển vào trường với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đúng quy định.

- Nguyên tắc xét tuyển: Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của các ngành.

c. Lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký tuyển sinh:

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

- Chính sách ưu tiên: thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Thực hiện theo quy định hiện hành

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Thực hiện theo quy định của UBND Tỉnh Nghệ An

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 23,7 ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 24,626 m2.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 512 phòng

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính

1.	06 Phòng thực hành máy tính	Mỗi phòng 40 máy tính, thiết bị mạng, quạt, điều hòa, bàn ghế
2.	02 Phòng học ngoại ngữ	Mỗi phòng 40 máy tính, tai nghe, loa, bàn vách ngăn, điều hòa
3.	06 phòng thực hành chuyên ngành nông lâm	Thiết bị thí nghiệm ngành Quản lý đất đai, Lâm nghiệp và Thúy Y.

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5
2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	22
3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	31
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	7
5.	Số phòng học đa phương tiện	12

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành I	
	Nhóm ngành II	
	Nhóm ngành III	15,000
	Nhóm ngành IV	
	Nhóm ngành V	11,000
	Nhóm ngành VI	
	Nhóm ngành VII	

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nhóm ngành III						
Đặng Thị Thúy				X		
Nguyễn Thị Minh				X		
Dương Xuân Thao					X	
Nguyễn Thị Thu Hiền				X		
Đoàn Tiến Dũng				X		
Ngô Thị Thanh Hoàn				X		
Lê Thị Yến			X			
Ngô Đình Ký				X		
Lê Thị Vân Hà				X		

Phạm Nguyệt Thương				X		
Hoàng Thị Hiền				X		
Hoàng Thị Lộc				X		
Nguyễn Thị Phương Thảo				X		
Trần Thị Hương Trà				X		
Lê Phương				X		
Phạm Đức Giáp				X		
Trần Cẩm Vân				X		
Nguyễn Thanh Vân				X		
Ngô Thị Thương Huyền				X		
Võ Thúy Hằng				X		
Võ Thị Thu Hương				X		
Trần Thị Thanh Tâm				X		
Võ Thị Thanh Tú				X		
Nguyễn Thị Hoa				X		
Phạm Thị Bảo Thoa				X		
Trần Thị Bính Ngọc				X		
Phan Thanh Hà				X		
Nguyễn Thị An				X		
Nguyễn Kim Diệp Long			X			
Phạm Thị Thanh Thủy				X		
Nguyễn Văn Điệp				X		
Nguyễn Thị Xuân				X		
Nguyễn Thị Song Hương				X		
Nguyễn Thị Phương Chi				X		
Phan Thị Thu Hiền				X		
Hà Thị Hồng Nhung				X		
Hồ Thị Hằng			X			
Nguyễn Công Nhật					X	
Đặng Thị Thảo					X	
Hồ Thị Hiền				X		
Lê Thị Hồng Ngọc				X		
Lê Thị Xuân				X		
Nguyễn Lan Anh				X		
Hồ Thị Hoàng Lương				X		
Hoàng Thị Thúy Hằng				X		

Bành Thị Vũ Hằng				X		
Lê Thị Trang				X		
Nguyễn Thị Lan Anh				X		
Nguyễn Thị Hồng Ngọc				X		
Trần Thị Mai				X		
Nguyễn Thanh Tâm				X		
Lê Thị Mỹ Tâm				X		
Nguyễn Thị Thùy Linh				X		
Trần Thi Thanh Hường				X		
Nguyễn Xuân Thọ				X		
Phan Thị Hoa				X		
Trịnh Thị Lê				X		
Dương Tiến Dũng			X			
Lê Thị Ngọc Mai			X			
Ngô Văn Chung				X		
Nguyễn Thị Quỳnh Trang				X		
Đinh Văn Tới				X		
Ngô Xuân Thành				X		
Phạm Thị Mai Hương				X		
Đinh Thị Thúy Hằng				X		
Lê Tú Anh				X		
Lê Thùy Dung				X		
Lê Thị Dung				X		
Hoàng Thị Huyền				X		
Nguyễn Thị Ngọc Liên				X		
Nguyễn Thị Thanh Tú				X		
Ngô Thị Tú Oanh				X		
Nguyễn Thị Thanh Thương				X		
Phạm Thị Hoài Thanh				X		
Nguyễn Anh Tuấn				X		
Ngô Thị Thảo				X		
Nguyễn Thị Bích Hằng			X			
Thái Đình Hoàng				X		
Phạm Thị Khang				X		
Nguyễn Thị Hiền			X			
Tổng của nhóm ngành			**7**	**70**	**3**	

Nhóm ngành V						
Nguyễn Xuân Lai					X	
Tăng Văn Tân				X		
Nguyễn Văn Toàn				X		
Nguyễn Thế Hải			X			
Chu Thị Hải				X		
Nguyễn Công Trường					X	
Đỗ Ngọc Đài					X	
Trương Quang Ngân				X		
Võ Thị Hải Lê					X	
Võ Thị Dung				X		
Nguyễn Đình Tường				X		
Vương Thị Thúy Hằng				X		
Trần Thái Yên				X		
Nguyễn Hoàng Tiến				X		
Châu Thị Tâm				X		
Trần Thị Thúy Nga				X		
Nguyễn Thị Trà				X		
Nguyễn Thị Thùy Dung				X		
Nguyễn Thị Lệ Quyên				X		
Trần Thị Vân				X		
Nguyễn Thị Thu Hiền				X		
Tổng của nhóm ngành			**1**	**16**	**4**	
Giảng viên môn chung						
Đinh Thị Thu Hương				X		
Bùi Đình Thắng				X		
Lê Viết Vinh				X		
Thái Văn Hội			X			
Trịnh Sơn Hải			X			
Trần Thị Tú			X			
Trần Thị Thu Hà				X		
Phan Thị Thanh Bình				X		
Ngụy Vân Thùy				X		
Nguyễn Thị Hà				X		
Trần Hà Lan				X		
Võ Thị Nguyên			X			

Cao Thị Phương Thảo				X		
Trần Thị Diên				X		
Nguyễn Thị Kim Dung				X		
Nguyễn Thị Hoài Ly				X		
Nguyễn Thi Lan Hương				X		
Đào Thị Nha Trang				X		
Lê Thị Thành Vinh				X		
Bùi Thị Thanh				X		
Trần Thị Lê Na				X		
Hồ Thị Hương				X		
Nguyễn Thị Hậu				X		
Trần Thị Thiên Hương				X		
Nguyễn Thị Thảo				X		
Dương Thị Hải Yến				X		
Cao Đức Duẩn				X		
Ngô Đăng Vinh				X		
Nguyễn Tự Cường				X		
Hồ Chí Quý				X		
Nguyễn Văn Chiến				X		
Ngô Hà Châu Loan				X		
Dương Thị Hà Lê				X		
Hoàng Hà				X		
Võ Thị Trâm Anh			X			
Đinh Chung Thành				X		
Lê Thị Hoàng				X		
Nguyễn Mạnh Cường				X		
Nguyễn Thị Mai Anh				X		
Nguyễn Quốc Sơn				X		
Nguyễn Thị Lan					X	
Trần Thị Bình					X	
Nguyễn Thị Thúy Cường				X		
Nguyễn Thị Tùng					X	
Nguyễn Khánh Ly				X		
Hoàng Nam Hưng				X		
Nguyễn Thị Lam				X		
Hoàng Thị Thu Hoài				X		

Nguyễn Mạnh Hưng				X		
Hồ Thị Bích Ngọc				X		
Nguyễn Thị Kim Dung				X		
Nguyễn Thị Thương Uyên				X		
Lê Thanh Huyền				X		
Tổng giảng viên chung			**5**	**45**	**3**	
Tổng giảng viên toàn trường			**13**	**131**	**10**	

4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Trường được nâng cấp lên Đại học từ năm 2014 nên đến nay chưa có sinh viên tốt nghiệp.

5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 70 tỷ đồng/ năm
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

Ngày 01.tháng 02 năm 2017
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Đã ký

TS. Dương Xuân Thao